Phương pháp nghiên cứu trong khoa học liên ngành

Nguyễn Bích Ngọc

Khoa các khoa học liên ngành, ĐHQGHN

Dữ liệu

Dữ liệu

•	Gender	Age.Range [‡]	Year [‡]	Nationality [‡]	Q1	Q2	÷	Q3 [‡]	Q4	÷	Q5	‡	←	—— Biến
1	Female	20 - 21 years old	Year 4	Thai	7	,	5	7		7		7		
2	Female	20 - 21 years old	Year 4	Thai	(5	5	7		5		6		
3	Female	20 - 21 years old	Year 4	Thai	-	,	7		ye	ear	Ŧ	avg	_ice_duration	avg_air_temp_adjusted
4	Female	20 - 21 years old	Year 4	Thai	-	,	2	2	7	1880			160.5	-4.501104972
5	Female	22 - 23 years old	Year 4	Thai	(5	6	2	8	1881		77.5		1.270718232
6	Male	20 - 21 years old	Year 3	Thai	į	5	4	2	9	1882			125.5	-2.928729282
7	Male	20 - 21 years old	Year 3	Thai	(5	4	3	0	18	883		119.5	-4.179120879
8	Female	20 - 21 years old	Year 3	Thai	7	,	4	3	1	18	884		122.5	-6.309944751
9	Female	20 - 21 years old	Year 3	Thai	7	,	5	3	2	18	885		129.5	-2.974033149
10	Male	20 - 21 years old	Year 3	Thai	į	5	5	3	3	18	886		131.0	-4.986740331
11	Female	20 - 21 years old	Year 3	Thai	7	,	5	3	4	18	887		125.0	-4.989560440
_					i			3	5	18	888		87.5	-1.082320442
1								3	6	18	889		74.5	-0.719337017
-								3	7	18	390		112.0	-1.234806630

Research Methods (VNU-SIS)

Đối tượng quan sát

Biến

- Các loại biến
 - Định danh (nominal)
 - Thứ bậc (ordinal)
 - Liên tục/Định lượng (continuous)

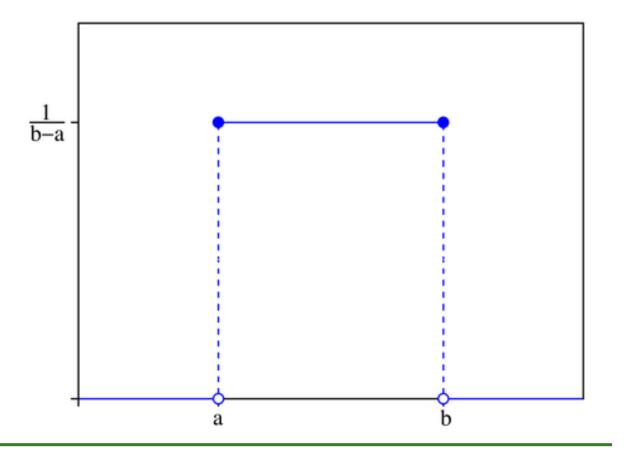
Biến gián đoạn/định tính

Bài tập

A		Α	В	С	D	E	F	G	Н
1	id		csmptv	rwtank	iceqac2	dwltyp	livara	nbbdrm	cfdiwq
2		5	74	no	NA	2 facades	58	1	suspicious
3		29	131	yes	modest	2 facades	100	2	neither confident nor suspicious
4		34	102.08	yes	average	4 facades	200	2	neither confident nor suspicious
5		36	71	no	precarious	appartment/studio	70	2	rather confident
6		37	40	no	NA	2 facades	58	1	rather confident
7		39	39.16	no	modest	2 facades	100	3 or more	confident
8		42	115	no	modest	2 facades	200	2	confident
9		44	NA	yes	higher	4 facades	150	3 or more	rather confident
10		45	NA	yes	precarious	4 facades	150	3 or more	confident
11		46	119.57	no	modest	3 facades	150	3 or more	rather confident
12		47	97	no	average	2 facades	90	3 or more	neither confident nor suspicious
13		48	82.6	yes	modest	4 facades	200	3 or more	rather suspicious
14		50	38	yes	modest	4 facades	130	3 or more	confident
15		51	NA	no	NA	appartment/studio	90	1	confident
16		53	162.56	no	modest	4 facades	160	3 or more	confident
17		54	15.27	yes	modest	4 facades	121	2	confident
18		55	71.57	no	precarious	appartment/studio	50	1	no opinion
19		56	42	no	modest	3 facades	102	2	confident
20		57	141.36	no	modest	2 facades	105	3 or more	confident
21		58	77	no	average	appartment/studio	90	2	rather suspicious

Phân phối biến định lượng

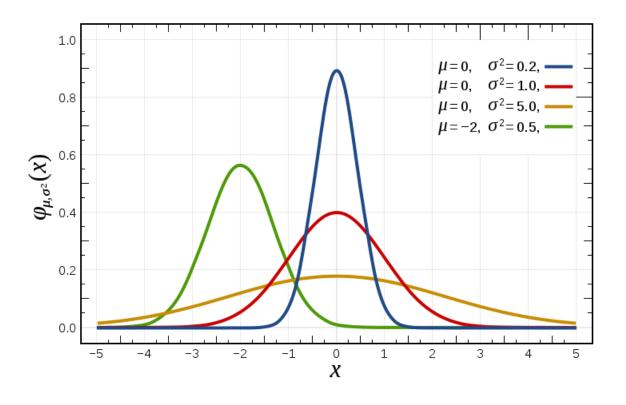
• Phân phối đồng nhất (uniform distribution)



Phân phối biến định lượng

Phân phối đồng nhất (Uniform distribution)

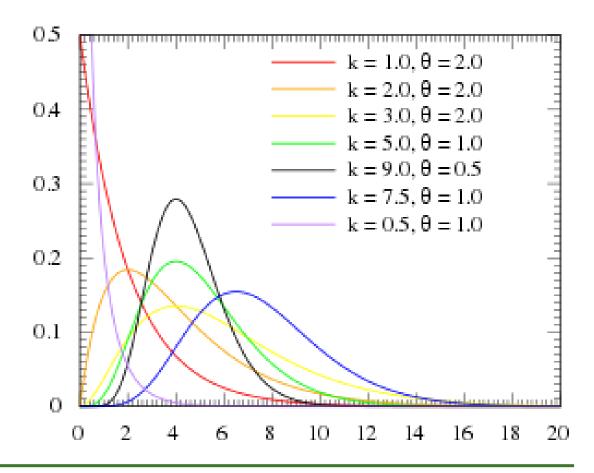
• Phân phối chuẩn $N(\mu, \sigma^2)$ (Normal distribution) Phân phối chuẩn tắc N(0,1)(Standard normal distribution)



Phân phối biến định lượng

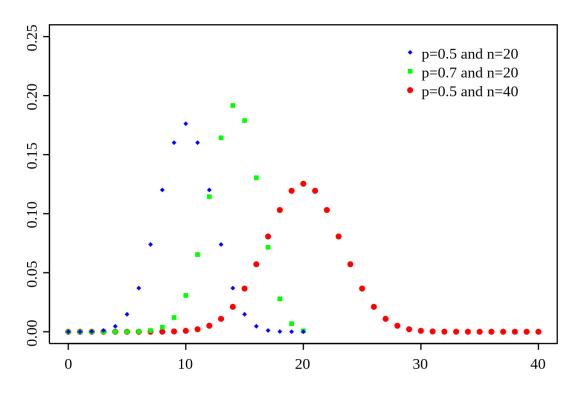
• Phân phối đồng nhất (Uniform distribution)

- Phân phối chuẩn $N(\mu, \sigma^2)$ (Normal distribution) Phân phối chuẩn tắc N(0,1)(Standard normal distribution)
- Phân phối Gamma (Gamma distribution)



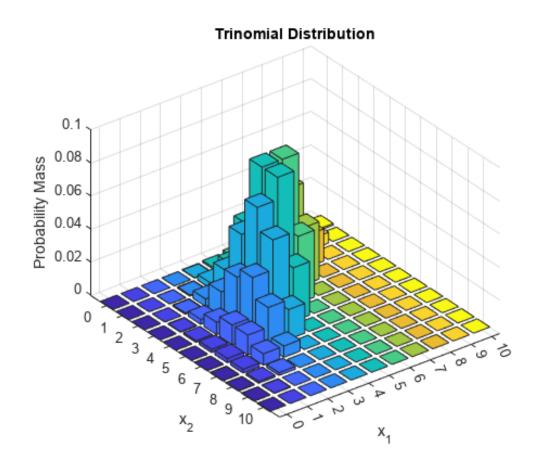
Phân phối biến gián đoạn

• Phân phối biến nhị phân B(n,p)



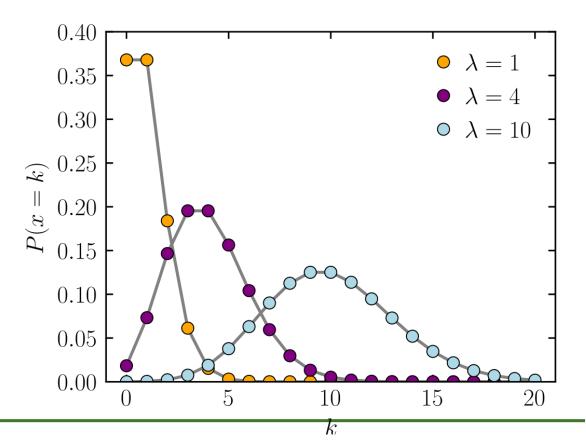
Phân phối biến gián đoạn

- Phân phối biến nhị phân B(n,p)
- Phân phối đa thức



Phân phối biến đếm

- Phân phối biến nhị phân B(n,p)
- Phân phối đa thức
- Phân phối Poisson $Pois(\lambda)$



Bài tập

A		Α	В	С	D	E	F	G	Н
1	id		csmptv	rwtank	iceqac2	dwltyp	livara	nbbdrm	cfdiwq
2		5	74	no	NA	2 facades	58	1	suspicious
3		29	131	yes	modest	2 facades	100	2	neither confident nor suspicious
4		34	102.08	yes	average	4 facades	200	2	neither confident nor suspicious
5		36	71	no	precarious	appartment/studio	70	2	rather confident
6		37	40	no	NA	2 facades	58	1	rather confident
7		39	39.16	no	modest	2 facades	100	3 or more	confident
8		42	115	no	modest	2 facades	200	2	confident
9		44	NA	yes	higher	4 facades	150	3 or more	rather confident
10		45	NA	yes	precarious	4 facades	150	3 or more	confident
11		46	119.57	no	modest	3 facades	150	3 or more	rather confident
12		47	97	no	average	2 facades	90	3 or more	neither confident nor suspicious
13		48	82.6	yes	modest	4 facades	200	3 or more	rather suspicious
14		50	38	yes	modest	4 facades	130	3 or more	confident
15		51	NA	no	NA	appartment/studio	90	1	confident
16		53	162.56	no	modest	4 facades	160	3 or more	confident
17		54	15.27	yes	modest	4 facades	121	2	confident
18		55	71.57	no	precarious	appartment/studio	50	1	no opinion
19		56	42	no	modest	3 facades	102	2	confident
20		57	141.36	no	modest	2 facades	105	3 or more	confident
21		58	77	no	average	appartment/studio	90	2	rather suspicious

Bài tập

4		Α	В	С	D	E	F	G	Н
1	id		csmptv	wtank	iceqac2	dwltyp	livara	nbbdrm	cfdiwq
2		5	74	no	NA	2 facades	58	1	suspicious
3		29	131	yes	modest	2 facades	100	2	neither confident nor suspicious
4		34	102.08	yes	average	4 facades	200	2	neither confident nor suspicious
5		36	71	no	precarious	appartment/studio	70	2	rather confident
6		37	40	no	NA	2 facades	58	1	rather confident
7		39	39.16	no	modest	2 facades	100	3 or more	confident
8		42	115	no	modest	2 facades	200	2	confident
9		44	NA	yes	higher	4 facades	150	3 or more	rather confident
10		45	NA	yes	precarious	4 facades	150	3 or more	confident
11		46	119.57	no	modest	3 facades	150	3 or more	rather confident
12		47	97	no	average	2 facades	90	3 or more	neither confident nor suspicious
13		48	82.6	yes	modest	4 facades	200	3 or more	rather suspicious
14		50	38	yes	modest	4 facades	130	3 or more	confident
15		51	NA	no	NA	appartment/studio	90	1	confident
16		53	162.56	no	modest	4 facades	160	3 or more	confident
17		54	15.27	yes	modest	4 facades	121	2	confident
18		55	71.57	no	precarious	appartment/studio	50	1	no opinion
19		56	42	no	modest	3 facades	102	2	confident
20		57	141.36	no	modest	2 facades	105	3 or more	confident
21		58	77	no	average	appartment/studio	90	2	rather suspicious